

Bản án số: 54/2021/DS-ST

Ngày: 20-9-2021

V/v tranh chấp hợp đồng

mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lâm Kim Mến;

Bà Đào Đắc Cẩm Tú.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 119/2021/TLST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2021/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 130/2021/QĐST-DS ngày 06/9/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Quang S, sinh năm 1993.

Là người đại diện của Hộ kinh doanh T.

Địa chỉ: xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Dương Gia A, sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ: xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Ông Trần Quang Kh, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 4 năm 2021, tại phiên hoà giải và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện của nguyên đơn là bà Dương Gia A trình bày:

Ông Trần Quang Kh cùng ông Trần Quang S - chủ Hộ kinh doanh T có thỏa thuận mua bán thức ăn tôm và thuốc thủy sản. Theo thỏa thuận thì bên ông S bán cho bên ông Kh các sản phẩm như: Thức ăn tôm thẻ chân trắng, tôm sú mang nhãn hiệu Việt Hoa, thuốc và hóa chất cho nuôi trồng thủy sản. Quá trình giao nhận hàng hóa thì hai bên sẽ ghi vào sổ theo dõi hàng hóa của mỗi bên. Cụ thể: Bên ông S giao hàng cho ông Kh tại kho hàng của Hộ kinh doanh T theo đơn hàng hoặc hỗ trợ vận chuyển hàng hóa đến địa điểm của ông Kh nếu có thỏa thuận. Khi nhận hàng thì bên ông Kh phải kiểm tra hàng và ký xác nhận việc giao nhận hàng cho bên ông S. Kể từ thời gian hàng hóa đã bàn giao xong cho ông Kh và hai bên đã ký xác nhận việc giao nhận hàng thì bên ông S không chịu trách nhiệm nữa.

Về phương thức thanh toán, trong mọi trường hợp ông Kh phải có nghĩa vụ thanh toán dứt điểm toàn bộ công nợ cho bên ông S vào cuối vụ tôm, việc ông Kh nuôi tôm bị thất thu (tôm chết trước thời hạn thu hoạch) không đương nhiên làm mất nghĩa vụ thanh toán. Trong trường hợp ông Kh không thanh toán dứt điểm công nợ cho bên ông S vào cuối vụ tôm, ông S có quyền cắt hàng, chấm dứt Hợp đồng và yêu cầu ông Kh thanh toán toàn bộ tiền hàng còn thiếu đến thời điểm ngừng giao dịch.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bên ông S đã nhiều lần bán thức ăn tôm và thuốc thủy sản cho ông Kh theo đúng đơn hàng yêu cầu. Sau khi nhận hàng, ông Kh đều ghi vào sổ theo dõi hàng hóa của hai bên và ông Kh không có ý kiến phản đối gì về số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hóa được nhận từ bên ông S. Tuy nhiên, ông Kh đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ thanh toán khi không thực hiện đúng theo thỏa thuận ban đầu là thanh toán dứt điểm toàn bộ công nợ cho bên ông S sau khi thu hoạch tôm cho nên vào ngày 28/02/2019 ông S đã quyết định chấm dứt Hợp đồng với ông Kh. Đến đầu tháng 3 năm 2020, hai bên tiến hành ký vào Bảng đối chiếu xác nhận công nợ, theo đó ông Kh xác nhận còn nợ bên ông S số tiền 31.581.000 đồng. Sau đó, từ cuối tháng 3 năm 2020 đến cuối tháng 7 năm 2020, ông Kh đã thanh toán cho bên ông S tổng cộng số tiền là 5.000.000 đồng và ngưng thanh toán cho đến nay.

Nay ông Trần Quang S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Quang Kh trả số tiền nợ gốc là 26.581.000 đồng, tiền lãi chậm trả 10%/năm từ ngày 29/07/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm và yêu cầu tính lãi chậm trả cho đến khi trả hoàn tất nợ. Yêu cầu ông Kh phải thanh toán số tiền trên một lần ngay khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật

- Tại phiên hoà giải và tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Quang Kh trình bày:

Ông có mua thức ăn nuôi tôm của Hộ kinh doanh T do ông Trần Quang S đại diện, bắt đầu mua từ năm 2017, đến năm 2020 thì ông S không bán thức ăn nuôi tôm cho ông nữa. Khi đối chiếu công nợ vào ngày 01/3/2020 thì ông còn nợ ông S số tiền 26.581.000 đồng là đúng. Nay ông đồng ý trả số nợ này nhưng hoàn cảnh gia đình khó khăn không có khả năng trả, khi nào trúng tôm có tiền thì ông trả từ từ.

Đối với số tiền lãi mà đại diện nguyên đơn yêu cầu thì ông không đồng ý trả vì khi bán thức ăn nuôi tôm thì ông S đã tính tiền lời trong đó rồi nên ông không đồng ý trả lãi nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nội dung vụ án: Nguyên đơn ông Trần Quang S là đại diện Hộ kinh doanh T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Trần Quang Kh trả số tiền nợ mua bán mua thức ăn và thuốc thủy sản cho ông S là 26.581.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 29/7/2020 cho đến khi hoàn trả hết nợ với lãi suất 10%/năm. Tuy nhiên ông Trần Quang Kh chỉ đồng ý trả số tiền nợ gốc là 26.581.000 đồng, không đồng ý trả tiền lãi.

[3] Xét yêu cầu của ông Trần Quang S, yêu cầu ông Trần Quang Kh trả nợ gốc:

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn Trần Quang Kh trả số tiền nợ gốc là 26.581.000 đồng. Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Quang Kh cũng thừa nhận khi đối chiếu công nợ vào ngày 01/3/2020 thì ông còn nợ ông S số tiền 26.581.000 đồng như đại diện nguyên đơn trình bày. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự công nhận ông Trần Quang Kh còn nợ ông Trần Quang S là người đại diện Hộ kinh doanh T số tiền nợ gốc là 26.581.000 đồng là sự thật, đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh.

Việc thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn về việc mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc cho nuôi thủy sản là tự nguyện, bình đẳng, không trái với quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được xác định đây là hợp đồng dân sự mà cụ thể là hợp đồng mua bán được điều chỉnh tại Điều 430 của Bộ luật Dân sự năm 2015 được pháp luật bảo vệ.

Ông Trần Quang S đã thực hiện nghĩa vụ bán và chuyển giao tài sản là thức ăn chăn nuôi và thuốc thủy sản cho bên mua là ông Trần Quang Kh. Ông Kh đã nhận đủ tài sản do ông S chuyển giao nêu trên để phục vụ việc nuôi tôm, phát triển kinh tế gia đình nhưng ông Kh chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ông S theo thỏa thuận và ông Kh còn nợ của ông S số tiền là 26.581.000 đồng là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, ông Trần Quang S yêu cầu ông Kh trả số tiền nợ 26.581.000 đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về yêu cầu trả lãi: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi theo lãi suất 10%/năm đối với số tiền nợ gốc 26.581.000 đồng từ ngày 29/07/2020 (là sau ngày đối chiếu công nợ) cho đến ngày xét xử sơ thẩm và yêu cầu tính lãi chậm trả cho đến khi hoàn trả hết nợ. Xét thấy, việc mua bán hàng hoá giữa ông Trần Quang S là người đại diện Hộ kinh doanh T và ông Trần Quang Kh không thỏa thuận lãi. Nay ông Trần Quang S yêu cầu trả lãi đối với số tiền chậm trả thì lãi suất được tính theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tức 10%/năm. Nguyên đơn yêu cầu trả lãi với mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày 29/07/2020 (sau ngày đối chiếu công nợ) là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Lãi được tính từ ngày 29/07/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 20/9/2021 cụ thể như sau: $26.581.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 01 \text{ năm } 01 \text{ tháng } 21 \text{ ngày} = 3.034.633 \text{ đồng}$. Nguyên đơn yêu cầu tiền lãi 3.034.000 đồng là phù hợp.

Như vậy, bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ gốc và tiền lãi cho nguyên đơn với tổng số tiền là 29.615.000 đồng, trong đó nợ gốc là 26.581.000 đồng, nợ lãi tính từ ngày 29/7/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 3.034.633 đồng và ông Trần Quang Kh còn phải chịu lãi chậm trả cho đến khi trả hoàn tất nợ.

[5] Xét ý kiến của bị đơn ông Trần Quang Kh: Ông Kh trình bày hiện nay hoàn cảnh gia đình ông khó khăn không có khả năng xin trả dần nợ gốc và không đồng ý trả lãi nhưng đại diện nguyên đơn không đồng ý. Xét thấy ông Kh đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền mua bán theo quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015 nên ông Kh đề nghị được trả dần là không phù hợp, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Đối với số tiền lãi thì ông Kh phải chịu theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Ông Kh cho rằng nguyên đơn đã tính tiền lời rồi nên không đồng ý trả lãi nhưng ông Kh không đưa ra được tài liệu chứng cứ nào chứng minh số tiền 26.581.000 đồng là đã có tiền lời trong đó. Do đó, đề nghị của ông Kh không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn, ông Trần Quang S được Hội đồng xét xử chấp nhận nên ông S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn ông Trần Quang Kh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 430, Điều 440 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Quang S là đại diện Hộ kinh doanh T về việc tranh chấp hợp đồng mua bán.

2. Buộc ông Trần Quang Kh có nghĩa vụ trả cho Trần Quang S là người đại diện Hộ kinh doanh T tổng số tiền là 29.615.000 đồng (hai mươi chín triệu sáu trăm

mười lăm nghìn đồng), (trong đó tiền nợ gốc là 26.581.000 đồng, nợ lãi tính từ ngày 29/7/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 3.034.000 đồng).

3. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Trần Quang S là đại diện Hộ kinh doanh T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 708.000 đồng (bảy trăm lẻ tám nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008266 ngày 19/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn ông Trần Quang Kh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.480.000 đồng (một triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Về việc thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Mỹ Xuyên,
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Trần Thị Mến